

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

DANH MỤC THIẾT BỊ BẢO TRÌ, HIỆU CHUẨN

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Thực hiện		Thời gian	Giá đã có thuế VAT
				Bảo trì	Hiệu chuẩn		
1	Máy huyết học tự động Humacount 60TS	C02/SHHH	01		x	11/2022	
2	Máy sinh hóa tự động TC Matrix	C09/SHHH	01		x	11/2022	
3	Máy đọc Elisa, Hãng: Chromate, Model: 4300	VRHT15	01	x	x	11/2022	
4	Máy rửa, Hãng: Bio-Rad, Model: PW40	VRHT21	01	x		11/2022	
5	Máy ủ IPS, Hãng: Bio-Rad	VRHT13	01	x	x	11/2022	
6	Tủ lạnh Ariston	VRHT24	01	x		11/2022	
7	Máy ly tâm lạnh Eppendorf	VRHT11	01	x		11/2022	
8	Tủ ấm Memmert INB 400	B.001	01	x	x(44 ⁰ C)	11/2022	
9	Tủ ấm Memmert INB 500	B.002	01	x	x (37 ⁰ C)	11/2022	
10	Tủ ấm JSR JSGI-153P	B.003	01	x	x(30 ⁰ C)	11/2022	
11	Tủ ấm JSR JSGI-100T	B.004	01	x	x(37 ⁰ C)	11/2022	
12	Tủ ấm JSGI-30T	B.005	01	x	x(41 ⁰ C)	11/2022	
13	Tủ ấm JSGI-30T	B.027	01	x	x(44 ⁰ C)	11/2022	
14	Cân kỹ thuật PA2102	B.007	01	x	x	11/2022	
15	Cân kỹ thuật PA213	B.008	01	x	x	11/2022	
16	Máy đo pH để bàn ORION	B.010	01	x	x(pH=4,7,10)	11/2022	
17	Nồi hấp tiệt trùng TOMY ES-315	B.015	01	x	x(115 ⁰ C, 121 ⁰ C)	11/2022	
18	Nồi hấp tiệt trùng HYRAYAMA HVE	B.016	01	x	x(121 ⁰ C)	11/2022	
19	Tủ sấy Memmert UNE 400	B.017	01	x	x(180 ⁰ C)	11/2022	
20	Tủ an toàn sinh học cấp II ESCO	B.025	01	x	x	11/2022	
21	Tủ an toàn sinh học cấp II TELSTAR	B.026	01	x	x	11/2022	
22	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.84	01		x(44 ⁰ C)	11/2022	
23	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.85	01		x(37 ⁰ C)	11/2022	
24	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.86	01		x(30 ⁰ C)	11/2022	
25	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.87	01		x(37 ⁰ C)	11/2022	
26	Nhiệt Kế Điện Tử SATO SK-270WP	B.88	01		x(41 ⁰ C)	11/2022	
27	Quả cân chuẩn E2	B.80	01		x(10g)	11/2022	
28	Nhiệt kế điện tử đầu dò Control Company	B.035	01		x(180 ⁰ C)	11/2022	
29	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.036	01		x(25 ⁰ C, 75%)	11/2022	
30	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.037	01		x(25 ⁰ C, 75%)	11/2022	
31	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.038	01		x(25 ⁰ C, 75%)	11/2022	
32	Nhiệt ẩm kế điện tử ETILLTD	B.040	01		x(25 ⁰ C, 75%)	11/2022	
33	Nồi hấp tiệt trùng TOMY SS-325	36103069	01	x	x(121 ⁰ C)	11/2022	
34	Nồi hấp tiệt trùng ALP CL-32L	803627	01	x	x(121 ⁰ C)	11/2022	
35	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	E.02-1	01	x	x	11/2022	
36	Tủ An Toàn Sinh học cấp II ESCO	N.10	01	x	x	11/2022	
37	Tủ An Toàn Sinh học cấp II CRYSTE	E.02-2	01	x	x	11/2022	
38	Tủ pha Mix PCR ESCO	E.02-3		x	x	11/2022	

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

DANH MỤC THIẾT BỊ BẢO TRÌ, HIỆU CHUẨN

39	Máy quang phổ Shimadzu UV-1800	A001-2	01		x(Độ lặp lại, độ chính xác của ABS tại λ 510nm; 543nm; 456 nm)	11/2022	
40	Cân phân tích Ohaus 0,1mg/210g PA214	A009	01		x	11/2022	
41	Cân kỹ thuật Ohaus 0,01g/2100g PA2102	A009-4	01		x	11/2022	
42	Máy đo pH METROHM	A002-3	01		x(pH 4,7,10)	11/2022	
43	Máy đo pH HORIBA LAQUA - PH1100	A002-4	01		x(pH 4,7,10)	11/2022	
44	Máy đo độ đục Orbeco TB200	A003	01		x(,2,5,10, 20,100,800 NTU)	11/2022	
45	Máy đo độ đục cầm tay Hanna HI98703	A003-2	01		x(0,2,5,10, 20,100,800 NTU)	11/2022	
46	Máy đo độ dẫn cầm tay Palintest	A043	01		x(2 μ S/cm)	11/2022	
47	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	A004-2	01		x	11/2022	
48	Nồi cách thủy JSWB 33T (Korea)	A004-3	01		x(97 $^{\circ}$ C, 70 $^{\circ}$ C)	11/2022	
49	Tủ sấy Memmert UNE400	A013	01		x(180 $^{\circ}$ C)	11/2022	
50	Tủ sấy Memmert UNE400	A013-2	01		x(105 $^{\circ}$ C)	11/2022	
51	Lò nung LENTON ECF 12/10	A026	01		x(525 $^{\circ}$ C)	11/2022	
52	Máy đo nhiệt độ EBRO TTX100	A040	01		x(-20 ; 4 ; 20; 97 $^{\circ}$ C)	11/2022	
53	Máy đo nhiệt độ Precision C08Q61	A040-2	01		x(105 $^{\circ}$ C)	11/2022	
54	Nhiệt kế điện tử SATO SK-270WP	A040-03	01		x(-20 ; 4 ; 20; 97; 105 $^{\circ}$ C)	11/2022	
55	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	A041	01		x(25 $^{\circ}$ C 75%)	11/2022	
56	Tủ hút khí độc Esco EFH-5A1	A005	01	x		11/2022	
57	Tủ hút khí độc Esco ADC-4B1	A005-2	01	x		11/2022	
58	Máy cất nước cất 2 lần HAMILTON AWC/4D	A015-4	01	x		11/2022	
59	Máy cất đậm VELP UDK 132	A018-2	01	x		11/2022	
60	Tủ lạnh Lovibond	A020	01	x		11/2022	
61	Tủ lạnh SHARP 145L	A038	01	x		11/2022	
62	Tủ lạnh Toshiba GR-T36VUBZ	A038-2	01	x		11/2022	
63	Bộ chiết béo EV6AII/14 GERHARDT	A 029	01	x		11/2022	
64	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10 $^{\circ}$ C) - (110 $^{\circ}$ C) (mã số A043-1) (ngăn mát tủ lạnh)	A043-1	01		x(3 $^{\circ}$ C)	11/2022	
65	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng(-10 $^{\circ}$ C) - (110 $^{\circ}$ C) (mã số A043-2) (ngăn mát tủ lạnh)	A043-2	01		x(3 $^{\circ}$ C)	11/2022	
66	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19 $^{\circ}$ C) - (62 $^{\circ}$ C) (mã số A044-1) (ngăn đông tủ lạnh)	A044-1	01		x(-15 $^{\circ}$ C)	11/2022	
67	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân(-19 $^{\circ}$ C) - (62 $^{\circ}$ C) (mã số A044-2) (ngăn đông tủ lạnh)	A044-2	01		x(-15 $^{\circ}$ C)	11/2022	
68	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51 $^{\circ}$ C) ALLA	B.041	01		X (2 $^{\circ}$ C; 8 $^{\circ}$ C)		
69	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51 $^{\circ}$ C) ALLA	B.042	01		X (2 $^{\circ}$ C; 8 $^{\circ}$ C)		
70	Nhiệt kế thủy tinh (-1 đến 51 $^{\circ}$ C) ALLA	B.043	01		X (2 $^{\circ}$ C; 8 $^{\circ}$ C)		

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE

DANH MỤC THIẾT BỊ BẢO TRÌ, HIỆU CHUẨN

71	Nhiệt kế thủy tinh MAXIMA	B.044	01		X(115 ⁰ C; 121 ⁰ C)		
72	Nhiệt kế thủy tinh (-19 đến 62 ⁰ C) AMA	B.045	01		X (2 ⁰ C; 8 ⁰ C)		
73	Cồn kế 0-35 độ rượu có nhiệt kế(mã số A047-1)	A047-1	01		x	11/2022	
74	Cồn kế 35-75 độ rượu có nhiệt kế(mã số A047-2)	A047-2	01		x	11/2022	
75	Micropipet Biohit (Phần Lan) 1000µl (A050)	A050	01		x	11/2022	
76	Micropipet Biohit (Phần Lan)100µl (A049)	A049	01		x	11/2022	
77	Micropipet Hirschmann 50 µl (A048)	A048	01		x	11/2022	
78	Quả cân chuẩn E2 5g (A045-1)	A045-1	01		x(E2)	11/2022	
79	Quả cân chuẩn E2 50g (A045-2)	A045-2	01		x(E2)	11/2022	
80	Quả cân chuẩn E2 100g (A045-3)	A045-3	01		x(E2)	11/2022	
81	Quả cân chuẩn E2 200g (A045-4)	A045-4	01		x(E2)	11/2022	
82	Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân (-10 đến 110 ⁰ C) AMA	G02-1	01		-10 ⁰ C	11/2022	
83	Nhiệt kế thủy ngân chất lỏng (-1 đến 51 ⁰ C) ALLA	G02-2	01		5 ⁰ C	11/2022	
84	Máy đo nhiệt độ - độ ẩm điện tử Hygro-Thermometer DHT-1	G01-1	01		x(25 ⁰ C 75%)	11/2022	
85	Tủ lạnh Samsung	G03-1	01	X		11/2022	
86	Micropipet Hettich 10-100 µl		03		X	11/2022	
87	Micropipet Hettich 2-20 µl		02		X	11/2022	
88	Micropipet Hettich 20-200 µl		02		X	11/2022	
89	Micropipet Hettich 100-1000 µl		02		X	11/2022	
90	Micropipet Eppendorf 1000 µl		01		X	11/2022	
91	Micropipet Eppendorf 0.5-10 µl		01		X	11/2022	
92	Micropipet Hettich 0.5-10 µl		02		X	11/2022	
93	Micropipet VITLAB 8 kênh 10-300 µl		01		X	11/2022	
94	Micropipet VITLAB 8 kênh 5-50 µl		01		X	11/2022	
95	Micropipet VITLAB 100-1000 µl		01		X	11/2022	
96	Micropipet VITLAB 20-200 µl		01		X	11/2022	
97	Micropipet Eppendorf 100-1000 µl		01		X	11/2022	
98	Máy Realtime PCR Rotor Gen Q (Qiagen)		02	X		11/2022	
99	Máy Realtime PCR DTprime 5 (DNA-TECHNOLOGY)		01	X		11/2022	
100	Máy Realtime PCR AriaDx (Agilent)		01	X		11/2022	
101	Tủ an toàn sinh học BIOBASE		01	X		11/2022	
102	Máy tách chiết tự động BIOER NPA 32		01	X		11/2022	
103	Máy tách chiết tự động BIOER 96		01	X		11/2022	
104	Máy tách chiết tự động TANBEAD 96		01	X		11/2022	
105	Máy tách chiết tự động QIAGEN Symphony		01	X		11/2022	

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH BẾN TRE**DANH MỤC THIẾT BỊ BẢO TRÌ, HIỆU CHUẨN**

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Mã số thiết bị	Số lượng	Công việc thực hiện		Thời gian	
				Bảo trì	Hiệu chuẩn		
106	Pipet – Nexty-100 / Watson - Nhật	(cs3)	02		X	11/2022	
107	Pipet – Nexty-1000 / Watson - Nhật	(cs3)	01		X	11/2022	
108	Máy ủ Elisa TC-92 Teco Diagnostics – Mỹ	(cs3)	01	X		11/2022	
109	Máy rửa Elisa TC-94 Teco Diagnostics – Mỹ	(cs3)	01	X		11/2022	
110	Máy đọc Elisa TC-96 Teco Diagnostics – Mỹ	(cs3)	01	X		11/2022	
111	Kính hiển vi OLYMPUS CX21 FS1	(cs2)	01	X		11/2022	
112	Kính hiển vi OLYMPUS CX23 LED RFS1	(cs2)	01	X		11/2022	

Tổng số : 120 thiết bị